TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số 11 /2017/HNGĐ-PT Ngày 28 - 6- 2017 V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Trần Hồng Hải
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền
Ông Bùi Đình Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Hồng Lê- Kiểm sát viên.

Ngày tháng năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2017/TLPT-HNGĐ ngày 25/5/2017; do có kháng cáo của bị đơn anh Trương TLđối với Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2017/HNGĐ-ST ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2017/QĐXX-PT ngày 12/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1986
Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Anh Trương TL, Sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn H, xã TL, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN, KHÁNG CÁO

Theo nội dung Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2017/HNGĐ-ST ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

* Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Trương TL đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 10 năm 2007 tại UBND Thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Là hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu tôn trọng, thường xuyên tranh cãi gay gắt. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội, ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương TL.

Bị đơn anh Trương TL xác nhận anh chị kết hôn ngày 02 tháng 10 năm 2007 trên cở sở tự nguyện. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hòa hợp, đặc biệt từ tháng 9/2016 khi chị L lao động tại Hà Nội có những mối quan hệ phúc tạp thì vợ chồng càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Từ tháng 01/2017 hai anh chị đã sống ly thân. Qua quá trình hòa giải tại cấp sơ thẩm, anh L đã đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị L.

* Về quan hệ con chung: Vợ chồng khai thống nhất có 02 con chung Trương TN, sinh ngày 19/4/2008 và Trương TĐ, sinh ngày 11/9/2013. Nguyên đon chị Phạm Thị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi các con chung, không yêu cầu anh Trương TLcấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bị đơn anh Trương TLyêu cầu được quyền nuôi cháu Trương TĐ, không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với chị L. Cháu Trương TN có nguyện vọng được ở với mẹ.

* Về tài sản chung:

Vợ chồng thống nhất có khối tài sản chung theo định giá gồm: Nhà ở và công trình phụ kép kín 100m^2, 01 Sân láng xi măng ,01 Điều hòa, 01 tủ lạnh , 01 máy giặt , 01 ty vi LG ,01 bếp ga , 01 tủ ly gỗ lim ,01 bộ bàn ghế , 01 giường gỗ ép. Tổng tài sản của các đương sự trị giá 111.193.000VNĐ. Nguyên đơn không có nhu cầu sử dụng mà yêu cầu để lại tài sản chung cho bị đơn và buộc bị đơn trả khoản nợ chung 60.000.000đ đối với Ngân hàng nông nghiệp huyện T, chi nhánh Ba Giang. Bị đơn anh Trương TL yêu cầu chia đôi khối tài sản chung.

* Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn xác nhận số nợ chung gồm 88.000.000đ, trong đó nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T, chi nhánh B 60.000.000đ; Ngân hàng chính sách huyện T 28.000.000đ. Nguyên đơn tự nhận trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và yêu cầu bị đơn chịu trách nhiệm trả khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T, chi nhánh Ba Giang;

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp huyện T, tỉnh Hà Tĩnh- Chi nhánh B có ý kiến: Vợ chồng anh Trương TL, chị Phạm Thị L có vay nợ ngân hàng 60.000.000đ, mục đích vay để sửa nhà, hiện nay vợ chồng ly hôn Ngân hàng đề nghị anh Trương TL trả nợ gốc 60.000.000đ và lãi theo quy định cho ngân hàng.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội huyện T tỉnh Hà Tĩnh trình bày: Vợ chồng anh Trương TL, chị Phạm Thị L có vay nợ ngân hàng 28.000.000đ, vợ chồng ly hôn Ngân hàng đề nghị chị Phạm Thị L trả nợ gốc 28.000.000đ và lãi theo quy định cho ngân hàng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2017/HNGĐ-ST ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh đã xét xử:

1. Về tình cảm: Áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật HNGĐ xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Trương TL.

2. Về con chung: Áp dụng các điều 58, điều 81, điều 82, và điều 83 luật HNGĐ. Giao hai con chung: Trương TN, sinh ngày: 19/04/2008 và Trương TĐ sinh ngày 11/9/2013 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3.Về tài sản chung**:** Giao cho anh Trương TL sở hữu, sữ dụng các loại tài sản gồm 01 nhà ở, 01 Sân láng xi măng, 01 Điều hòa, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 ty vi LG ,01 bếp ga, 01 tủ ly gỗ lim, 01 bộ bàn ghế, 01 giường gỗ ép. Tổng tài sản có giá trị 111.193.000VNĐ.

4.Về nợ chung: Buộc anh Trương TL phải trả cho ngân hàng nông nghiệp huyện T, tỉnh Hà Tĩnh số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị L trả cho ngân hàng chính sách huyện T, tỉnh Hà Tĩnh số tiền gốc là 28.000.000 đồng và tiền lãi theo qui định .

Án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/5/2017 bị đơn anh Trương TL kháng cáo bản án sơ thẩm số 03/2017/HNGĐ-ST ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T về phần con chung. Anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Trương TĐ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận thống nhất được với nhau về phần con chung, cụ thể: Giao con chung cháu Trương TN, sinh ngày 19/04/2008 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Trương TĐ sinh ngày 11/9/2013 cho anh Trương TL trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa, HĐXX, thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2017/HNGĐ-ST ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH:

Anh Trương TL có nguyện vọng được nuôi cháu Trương TĐ. Xét điều kiện của anh thấy rằng: Theo xác nhận của Công ty cổ phần xây dựng Thương mại T, địa chỉ: Số 15, đường Q, thành phố Hà Tĩnh vào ngày 08/5/2017 thì bị đơn anh Trương TLhiện đang làm việc tại bộ phận Cơ khí – quảng cáo, ngày làm việc 02/5/2016 theo Hợp đồng lao động không thời hạn, mức lương 8.500.000đ/tháng. Như vậy, thu nhập của anh L so với mức bình quân lao động trên địa bàn là tương đối cao, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Đ.

Đối với thu nhập của chị Phạm Thị L: Theo xác nhận của Công ty cổ phần dược phẩm và Thương mại toàn cầu, địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 13/02/2017 thì chị L là nhân viên phòng kinh doanh, mức lương 7.000.000đ/tháng. Như vậy thu nhập của chị L cũng hoàn toàn đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu Trương TN. (Bản thân cháu Trương TN có nguyện vọng được ở với mẹ).

Sự thỏa thuận của các bên đương sự hoàn toàn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của mỗi bên. Sự thỏa thuận này sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đều vì lợi ích của các con chung nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận đó.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về phần con chung. Sửa bản án sơ thẩm số 03/2017/HNGĐ-ST ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T về phần con chung.

Áp dụng Điều 58, điều 81, điều 82, và điều 83 luật HNGĐ năm 2014 công nhận sự thỏa thuận: Giao con chung Trương TN, sinh ngày 19/04/2008 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Trương TĐ sinh ngày 11/9/2013 cho anh Trương TLtrực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về án phí phúc thẩm : Áp dụng Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án anh Trương TLphải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm. Đã nộp tại biên lai số 006591 ngày 12/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án phí sơ thẩm: Áp dụng điều 147 BLTTDS năm 2015, điểm a, Khoản 5, điểm b khoản 7 điều 27 Nghị quyết 326 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án. Buộc chị Phạm Thị L phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0003007 ngày 28/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hà Tĩnh) và phải nộp 1.400.000 đồng án phí trả nợ. Anh Trương TLphải nộp 2.600.000 đồng án phí giá ngạch giá trị tài sản đươc hưởng 3.000.000 đồng án phí trả nợ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (Quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung) không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
-TAND huyện T
- THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hải